

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2017

V/v: *Không công nhận là vợ chồng
và tranh chấp quyền nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Út

2. Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, địa chỉ cư trú: Số 00, đường H, phường Y, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Danh Thị Thu T, địa chỉ cư trú: Ấp A, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 31/5/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông và bà T tình cờ quen biết và tìm hiểu nhau nảy sinh tình cảm nên hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do cuộc sống chung không hợp nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân nhau từ năm 2016, bà T về sinh sống ở ấp A, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nhận thấy không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 06/12/2007, hiện do bà T nuôi dưỡng nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa bà Danh Thị Thu T thông nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn, bà xác định hai người không còn chung sống với nhau, không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Về con chung nếu cháu S muốn ở với ông T thì ông T nuôi dưỡng, nếu muốn ở với bà thì bà nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án giữa ông T và bà T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận là vợ chồng. Về con chung cháu S có nguyện vọng ở với bà T nên đề nghị giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Ông Nguyễn Thanh T và bà Danh Thị Thu T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể tự giải quyết hàn gắn tình cảm được với nhau nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T. Đây là trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T mặc dù được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên khi có yêu cầu giải quyết việc ly hôn thì căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận ông T và bà T là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Ông T và bà T khai thống nhất hai người có 01 người con chung là Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 06/12/2007 và cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay cháu S sống chung với bà T, được bà T cho đi học ở Trường TX ở thị trấn BN, huyện Châu Thành A và tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2017 đối với cháu S thì cháu có nguyện vọng muốn ở với bà T nên để không xáo trộn, thay đổi cuộc sống của cháu Hội đồng xét xử giao cho bà T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét về tài sản chung và nợ chung: Ông T bà T khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật dân sự. Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh T và bà Danh Thị Thu T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 06/12/2007 cho bà Danh Thị Thu T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Thanh T phải chịu là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0010993 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông T đã nộp xong).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND Phường Y, quận 8, TP.HCM;
- UBND thị trấn BN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm